

Số: 10/2021/QĐST-DS

Tân Hồng, ngày 27 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 236/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Trần Văn L, sinh năm 1982;

2/ Trần Văn N, sinh năm 1973;

3/ Đoàn Hồng T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1943;

2/ Nguyễn Xuân B, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn Nguyễn Thị D, Nguyễn Xuân B: Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Xuân H, sinh năm 1964;

2/ Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1966;

3/ Nguyễn Thị P, sinh năm 1968;

4/ Nguyễn Xuân B, sinh năm 1970;

5/ Nguyễn Xuân V, sinh năm 1974;

6/ Nguyễn Xuân X, sinh năm 1980;

7 Nguyễn Hoài H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Xuân X, Nguyễn Hoài H: Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

8/ Huỳnh Thị L, sinh năm 1974 (vợ ông N);

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị L: Trần Văn N, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

9/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (vợ ông L);

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L: Trần Văn L, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

10/ Trần Thị M, sinh năm 1979 (vợ ông T);

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị M: Đoàn Hồng T, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

11/ Nguyễn Thị K, sinh năm 1977 (vợ ông B);

12/ Nguyễn Khánh T, sinh năm 1999 (con ông B);

13/ Nguyễn Thành C, sinh năm 1953;

14/ Bùi Thị Phụng K, sinh năm 1956 (vợ ông C);

15/ Nguyễn Phú Q, sinh năm 1981 (con ông C);

16/ Nguyễn Văn B, sinh năm 1983 (con ông C);

17/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (con ông C);

18/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1985;

19/ Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1980 (vợ ông N);

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

20/ Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S, chức vụ: Chủ tịch.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị D gồm bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Xuân B, ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Xuân H1, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Xuân V, ông Nguyễn Xuân X, ông Nguyễn Hoài H đồng ý chuyển quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 132,9m² thuộc một phần thửa đất số 1735, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đồng Tháp cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị D vào ngày 16-12-1992 cho các ông Trần Văn L, Trần Văn N, Đoàn Hồng T cụ thể như sau:

- Ông Trần Văn L diện tích 106,3m² có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đường VT dài 16,47m.

Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn L dài 16,09m.

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn G dài 9,41m.

Hướng Bắc giáp hộ bà Nguyễn Thị D dài 3,87m.

- Ông Trần Văn N diện tích 3,6m² có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đường VT dài 7,08m.

Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn N dài 7,01m.

Hướng Nam giáp hộ bà Nguyễn Thị D dài 1,32m.

Hướng Bắc giáp đường VT và ông Nguyễn Văn N dài 00m.

- Ông Đoàn Hồng T diện tích 23m² có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đường VT dài 9,17m.

Hướng Tây giáp đất ông Đoàn Hồng T dài 9,03m.

Hướng Nam giáp hộ bà Nguyễn Thị D dài 3,87m.

Hướng Bắc giáp hộ bà Nguyễn Thị D dài 1,32m.

(Có sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kèm theo).

Ông Trần Văn L đồng ý có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 106,3m² thuộc một phần thửa đất số 1735, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đồng Tháp cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị D vào ngày 16-12-1992 với số tiền là 56.023.000 đồng và đồng ý cho hộ bà Nguyễn Thị D được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đường VT (giai đoạn 1) là 8.900.000 đồng.

Ông Trần Văn N đồng ý có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 3,6m² thuộc một phần thửa đất số 1735, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: đất

trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đồng Tháp cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị D vào ngày 16-12-1992 với số tiền là 2.008.000 đồng và đồng ý cho hộ bà Nguyễn Thị D được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đường VT (giai đoạn 1) là 4.895.000 đồng.

Ông Đoàn Hồng T đồng ý có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 23m² thuộc một phần thửa đất số 1735, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đồng Tháp cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị D vào ngày 16-12-1992 với số tiền là 11.834.000 đồng và đồng ý cho hộ bà Nguyễn Thị D được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đường VT (giai đoạn 1) là 5.250.000 đồng.

Hộ gia đình ông Nguyễn Xuân B gồm ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Khánh T đồng ý có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ nhà rom đã xây dựng ra khỏi phần đất nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn L, ông Trần Văn N và ông Đoàn Hồng T đồng ý có nghĩa vụ liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.460.000 đồng (đã thanh toán xong).

Về chi phí định giá tài sản: Ông Trần Văn L, ông Trần Văn N và ông Đoàn Hồng T đồng ý có nghĩa vụ liên đới chịu 800.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản (đã thanh toán xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn L đồng ý có nghĩa vụ chịu 1.551.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 715.000 đồng theo các biên lai thu số BN/2013/03595 ngày 31-10-2017, BG/2015/0002120 ngày 24-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, ông Trần Văn L còn phải nộp thêm số tiền 836.000 đồng (Tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Ông Trần Văn N đồng ý có nghĩa vụ chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu số BN/2013/03596 ngày 31-10-2017, BG/2015/0002123 ngày 24-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, ông Trần Văn N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Đoàn Hồng T đồng ý có nghĩa vụ chịu 296.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu số BN/2013/03594 ngày 31-10-2017,

BG/2015/0002121 ngày 24-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, ông Trần Văn L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 304.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Bé Hương